

Số: /GPMT-STNMT

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 03 tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 115/2022/CV-TPT ngày 20/9/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tân Phước Thịnh về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Cụm công nghiệp An Ngãi” tại xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số/TTr-CCBVMT ngày/.../2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tân Phước Thịnh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Cụm công nghiệp An Ngãi” tại xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Cụm công nghiệp An Ngãi.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1705888534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 21 tháng 7 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3500660200 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 17 tháng 01 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3500660200.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án: 37,3 ha.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Tân Phước Thịnh

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Tân Phước Thịnh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **từ ngày 03 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.**

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Điền tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty CPĐT&XD Tân Phước Thịnh;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Công thương;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện Long Điền;
- Phòng TN&MT huyện Long Điền;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trung tâm CNTT TN&MT
(*đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở*);
- Lưu: VT, CCBVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Sơn Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu nhà điều hành Cụm công nghiệp được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 6,72 m³, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp, đợt 1 giai đoạn 1 công suất thiết kế 450m³/ngày để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải của các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp An Ngãi sau khi xử lý đạt giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải quy định dành cho doanh nghiệp được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp, đợt 1 giai đoạn 1 công suất thiết kế 450m³/ngày để xử lý. Giới hạn tiếp nhận nước thải quy định dành cho các doanh nghiệp hoạt động trong cụm công nghiệp theo Quyết định số 35/2021/QĐ-TPT ngày 12/11/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tân Phước Thịnh, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn đầu vào	Ghi chú
1	Lưu lượng	m ³ /ngày đêm	≤ 450	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 400	
3	COD	mg/l	≤ 600	
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 300	
5	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 80	
6	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	≤ 25	
7	Dầu mỡ	mg/l	≤ 47	

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: một con rạch nhỏ, sau đó chảy vào sông Cửa Lấp thuộc xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 - Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2441343; Y = 1154791 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 450 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được dẫn qua mương quan trắc tự động, xả vào cống thoát nước ngang đường Tỉnh lộ 44A → chảy vào một con rạch nhỏ, sau đó chảy vào sông Cửa Lấp.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).*

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Lưu lượng (đầu vào và đầu ra)	m ³ /ngày đêm	450	Không	Tự động, liên tục
2.	Nhiệt độ	°C	40	Không	Tự động, liên tục
3.	pH	-	5,5 ÷ 9	Không	Tự động, liên tục
4.	COD	mg/l	148,5	03 tháng/lần	Tự động, liên tục
5.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99	03 tháng/lần	Tự động, liên tục
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9	03 tháng/lần	Tự động, liên tục
7.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	49,5	03 tháng/lần	Không
8.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9	03 tháng/lần	Không
9.	Tổng Nitơ	mg/l	39,6	03 tháng/lần	Không
10.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	5,94	03 tháng/lần	Không
11.	Clo dư	mg/l	1,98	03 tháng/lần	Không
12.	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000	03 tháng/lần	Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa sạch được tách biệt với nhau.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu nhà điều hành Cụm công nghiệp được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp, đợt 1 giai đoạn 1 công suất thiết kế 450m³/ngày để xử lý.

- Nước thải của các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp An Ngãi sau khi xử lý đạt giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải quy định dành cho doanh nghiệp được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp, đợt 1 giai đoạn 1 công suất thiết kế 450m³/ngày để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hệ thống thu gom → Song chắn rác thô → Bể thu gom → Lược rác tinh → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc nước thải tự động, liên tục (Lưu lượng đầu vào và đầu ra, nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni) → Nguồn tiếp nhận: cống thoát nước ngang đường Tỉnh lộ 44A → chảy vào một con rạch nhỏ, sau đó chảy vào sông Cửa Lấp.

- Công suất thiết kế: 450 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Sucroza (Mật rỉ đường), Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án đã lắp đặt Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục như sau:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (mương quan trắc).

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Đã lắp đặt thiết bị lấy mẫu tự động.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu đã được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để theo dõi giám sát. Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Thông báo số 105/TB-STNMT ngày 30/6/2022 về việc kết nối, truyền dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục về Trung tâm tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động của tỉnh.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

- Có 01 hồ sự cố dung tích 2.000 m³ để lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị thiết bị dự phòng cần thiết (bơm, máy thổi khí...) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; bảo đảm vận hành Hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình.

- Thiết lập giá trị cảnh báo sớm cho Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với các thông số ô nhiễm trong nước thải; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo theo quy định.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

- Trường hợp Hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải được lưu chứa tại hồ sự cố (có thể tích 2.000m³). Sau khi điều tra nguyên nhân, khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

b) Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

b.1) Khi phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Nhân viên vận hành sẽ khóa van xả thải và mở van sự cố để dẫn nước thải không đạt quy chuẩn về hồ sự cố để lưu chứa. Đồng thời, thông báo cho bộ phận quản lý biết để điều tra nguyên nhân và khắc phục sự cố, bao gồm các hoạt động:

- Thực hiện kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào bằng các bộ test nhanh để phát hiện các chỉ tiêu ô nhiễm cao bất thường. Khi phát hiện sự cố do nước thải đầu vào có nồng độ các chất ô nhiễm cao, Công ty sẽ:

- + Dựa trên kết quả phân tích để điều chỉnh chế độ vận hành, thời gian lưu nước và liều lượng hóa chất phù hợp với chất lượng nước thải đầu vào.

- + Kiểm tra các cống xả của các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp An Ngãi để phát hiện các điểm xả có nước ô nhiễm bất thường nhằm kiểm soát hoạt động xả thải của các doanh nghiệp.

- + Kiểm tra hoạt động của hệ vi sinh trong các bể xử lý sinh học.

- + Lấy mẫu nước thải sau từng công đoạn xử lý của Hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra hiệu quả xử lý của từng công đoạn và chất lượng nước thải sau xử lý cho tới khi khắc phục xong sự cố.

- Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định trở lại. Nước thải tại hồ sự cố sẽ được bơm trở về lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Chỉ xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận khi đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

b.2) Khi Hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, tìm hiểu nguyên nhân, khắc phục sự cố, thay thế các thiết bị, máy móc hư hỏng và vận hành lại hệ thống xử lý nước thải.

Trường hợp chưa thể khắc phục sự cố sau 01 ngày, nước thải tại hồ thu gom tập trung của hệ thống sẽ được bơm vào hồ sự cố để lưu chứa tạm. Đồng thời sẽ thông báo đến các nhà máy thứ cấp để ngưng việc xả thải hoặc hạn chế xả thải trong thời gian sửa chữa hệ thống. Sau khi hệ thống xử lý nước thải được sửa chữa và vận hành ổn định trở lại, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Chỉ xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận khi đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải, đợt 1 giai đoạn 1, công suất 450 m³/ngày đêm của Cụm công nghiệp An Ngãi đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm theo văn bản số 2287/STNMT-BVMT ngày 19/4/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thông báo kết quả kiểm tra vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cụm công nghiệp An Ngãi, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Thực hiện Phương án cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải công suất 450 m³/ngày đêm, bảo đảm nước thải của dự án được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước ngày 01/01/2024 theo lộ trình quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21/04/2022 của UBND tỉnh quy định phân vùng tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Phụ lục 2**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.
- Lắp đặt các đệm chống ồn, rung bằng cao su cho các máy móc, thiết bị.
- Trồng nhiều cây xanh xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2022 của
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	30
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	40
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	30
4	Ắc quy chì thải	19 06 01	5
	Tổng cộng		105

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp (*)	12 06 05	70.800
	Tổng cộng		70.800

Ghi chú: (*) Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: *Chủ nguồn thải chất thải công nghiệp phải kiểm soát có trách nhiệm phân định chất thải là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường thông qua hoạt động lấy, phân tích mẫu do cơ sở có chức năng, đủ năng lực thực hiện theo quy định của pháp luật. Chất thải công nghiệp sau khi phân định phải được quản lý theo quy định của pháp luật*". Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại: *"tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định lượng CTNH phải khai báo và quản lý"*.

Khi có sự thay đổi về tính chất nguyên vật liệu, nhiên liệu, quy trình sản xuất, đặc điểm nguồn thải, quá trình phát thải hoặc hoạt động có phát sinh chất thải; thay đổi về hóa chất sử dụng, quy trình, công nghệ xử lý nước,...; đề nghị Chủ dự án phối hợp với tổ chức dịch vụ có chức năng, năng lực tổ chức lấy mẫu, phân tích, phân định đối với chất thải phát sinh.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng trung bình (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	7,2
	Tổng cộng	7,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Các thùng có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường bao quanh, mái che lợp tôn, nền bê tông chống thấm, có gờ chống chảy tràn, có cửa, biển báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

- Thể tích: 125 m³ (gồm 02 bể chứa bùn, thể tích 62,5 m³/01 bể)

- Thiết kế, cấu tạo: thiết kế hình khối chữ nhật, cấu tạo bằng bê tông cốt thép, có nắp đậy kín.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: Các thùng có nắp đậy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Căn cứ vào tình hình thực tế thu hút đầu tư và nhu cầu xử lý nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm Công nghiệp An Ngãi, tiếp tục đầu tư nâng công suất hệ thống xử lý nước thải theo nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 249/QĐ-STNMT ngày 20/07/2007 sau khi cấp Giấy phép môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 52 của Luật Bảo vệ môi trường.
5. Trước khi hết hạn giấy phép môi trường 06 tháng, gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.